TUYỂN SINH NHẬP HỌC.
CHUYỂN TIẾP ĐẠI HỌC
ĐỐI TƯỢNG DU HỌC SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
HỌC KỲ 2 NĂM 2024 (ĐỢT 3)

대구대학교
DAEGU UNIVERSITY

온라인 접수 바로가기

대구대학교
DAEGU UNIVERSITY

[Mục lục]

I. Nội dung tuyển sinh

1. Khoa xét tuyển và số lượng ····· 4
2. Đối tượng ứng tuyển ····· 8
3. Lịch xét hồ sơ ····· 11
4. Hồ sơ ứng tuyển ····· 12
5. Phương pháp xét tuyển ····· 14
6. Chế độ học bổng ····· 15
7. Ký túc xá ····· 17
8. Lưu ý với đối tượng ứng tuyển ····· 17
9. Lưu ý với đối tượng trúng tuyển ····· 18
10. Hỏi đáp ····· 18

II. Nộp hồ sơ trực tuyến

11. (온라인 원서접수 매뉴얼) Hướng dẫn đăng ký trực tuyến ····· 19
12. [Đính kèm] (아포스티유 확인서 안내) ····· 24

1 Khoa xét tuyển và số lượng

□ Tuyển sinh: Có thể ứng tuyển vào những khoa (chuyên ngành) được đánh dấu '○' ở cột Nhập học mới / Liên thông

□ Số lượng tuyển sinh đại học: Không giới hạn.

Đại học	Khoa tuyển sinh		Sinh viên nhập học mới (năm 1)
Giáo dục nhân văn	Khoa giáo dục tiếng Hàn	chuyên ngành giáo dục tiếng Hàn	○
		chuyên ngành thông-biên phiên dịch tiếng Hàn	
	Khoa ngôn ngữ văn hóa		○
	Tiếng Nhật		○
	Khoa văn hóa nghệ thuật	chuyên ngành sáng tạo nghệ thuật số	○
		chuyên ngành content văn hóa	
		chuyên ngành nghệ thuật trình diễn	
	Khoa giáo dục thể chất		○
	Khoa Thể thao giải trí		○
Luật - Hành chính	Khoa Luật	chuyên ngành Luật	○
		chuyên ngành Luật An toàn công cộng	
	Khoa hành chính		○
	Khoa cảnh sát	chuyên ngành cảnh sát hành chính	○
		chuyên ngành cảnh sát tự trị	
	Khoa Bất động sản-Địa chất		○
	Khoa quân sự		○
Kinh doanh	Khoa kinh doanh	chuyên ngành kinh doanh	○
		chuyên ngành kế toán	
	Khoa kinh tế tài chính	chuyên ngành Kinh tế và Thương mại	○
		chuyên ngành tài chính bảo hiểm	
	Khoa quản trị du lịch khách sạn	chuyên ngành quản trị du lịch	○
		chuyên ngành du lịch khách sạn	
Khoa học xã hội	Khoa Phúc lợi xã hội		○
	Khoa phúc lợi tư vấn thanh thiếu niên		○
	Phúc lợi gia đình trẻ nhỏ		○
	Khoa phúc lợi phát triển xã hội khu vực		○
	Khoa xã hội		○
	Khoa Truyền thông	chuyên ngành sáng tạo nội dung	○
		chuyên ngành Quảng cáo – PR	○
	Khoa khoa học Thông tin		
	Khoa tâm lý		○
Khoa học đời sống tổng hợp	Khoa nông nghiệp trồng trọt		○
	Khoa tài nguyên động vật		○
	Khoa tài nguyên rừng		○
	Khoa công nghiệp thú y		○
	Khoa Thông tin Y tế		○

Đại học	Khoa tuyển sinh		Sinh viên nhập học mới (năm 1)
Kỹ thuật	Khoa kỹ thuật kiến trúc		○
	Khoa Cơ khí và kĩ thuật ô tô	chuyên ngành Cơ khí	○
		chuyên ngành Kĩ thuật ô tô tương lai	○
	Khoa Công nghệ thực phẩm		○
	Khoa Dinh dưỡng thực phẩm		○
	Khoa kiến trúc cảnh quan - Thiết kế sân vườn		○
	Khoa Kỹ thuật Hệ thống Năng lượng		○
	Khoa Kỹ thuật an toàn cháy nổ và phòng chống thiên tai		○
	Khoa Cứu hộ khẩn cấp		○
Công nghệ thông tin	Khoa kỹ thuật điện tử	chuyên ngành Kỹ thuật điện tử	○
		chuyên ngành Kỹ thuật điện	
		chuyên ngành Kỹ thuật Thông tin và Truyền thông	
	Khoa Máy tính và Kỹ thuật Thông tin	chuyên ngành Kỹ thuật máy tính	○
		chuyên ngành phần mềm máy tính	
		chuyên ngành bảo mật thông tin	
	Khoa AI		○
Nghệ thuật tạo hình	Khoa thiết kế trang sức		
	Khoa Hoạt hình – Webtoon	chuyên ngành Hoạt hình	○
		chuyên ngành Webtoon	
	Khoa hội tụ thiết kế trực quan	chuyên ngành thiết kế trực quan	○
		chuyên ngành thiết kế dịch vụ	
	Khoa thiết kế công nghiệp		○
	Khoa thiết kế thời trang		○
	Khoa Phong cách làm đẹp (Beauty style)		
	Khoa thiết kế kiến trúc nội thất		○
	Khoa thiết kế game		
Khoa học hồi phục chức năng	Khoa Tư vấn phục hồi chức năng		○
	Khoa trị liệu Ngôn ngữ		○
	Khoa Phục hồi Tâm lý		○
	Khoa Kỹ thuật Phục hồi chức năng		○
	Khoa nâng cao sức khỏe phục hồi chức năng		○
	Khoa Vật lý trị liệu		○
	Khoa Trị liệu nghề nghiệp		○

☐ Chuyển tiếp đại học: không giới hạn số lượng

Đại học	Khoa tuyển sinh		Sinh viên chuyển tiếp (năm 3)	Ghi chú
Giáo dục nhân văn	Khoa giáo dục tiếng Hàn	Giáo dục tiếng Hàn	○	
		Phiên dịch và dịch thuật tiếng Hàn	○	
	Khoa Ngôn ngữ và Văn học Quốc tế		○	
	Khoa Nhật Bản học		○	
	Khoa Văn hóa Nghệ thuật	chuyên ngành sáng tạo nghệ thuật số	○	
		chuyên ngành content văn hóa	○	Không thể chuyển tiếp năm 4
		chuyên ngành nghệ thuật trình diễn	○	Không thể chuyển tiếp năm 4
	Khoa giáo dục thể chất		○	
	Khoa Thể thao giải trí		○	
Luật - Hành chính	Khoa Luật	Chuyên ngành Luật	○	
		Luật An toàn Công cộng	○	
	Khoa hành chính		○	
	Khoa Cảnh sát	Chuyên ngành cảnh sát hành chính	○	
		Chuyên ngành cảnh sát tự trị	○	
	Khoa Bất động sản và Sở hữu trí tuệ		○	
	Khoa quân sự		○	Không thể chuyển tiếp năm 4
Kinh doanh	Khoa Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh	○	
		Chuyên ngành kế toán	○	
	Khoa Kinh tế Tài chính	Kinh tế Thương mại	○	
		Chuyên ngành bảo hiểm tài chính	○	
	Khoa Quản lý Khách sạn và Du lịch	Quản lý du lịch	○	
		Du lịch khách sạn	○	
Khoa học xã hội	Khoa phúc lợi xã hội		○	
	Khoa Tư vấn và Phúc lợi Thanh niên		○	
	Khoa Phúc lợi Gia đình và Trẻ em		○	
	Khoa Phúc lợi và Phát triển Cộng đồng		○	
	Xã hội học		○	
	Khoa Truyền thông	Chuyên ngành sáng tạo nội dung	○	
		Chuyên ngành Quảng cáo – PR	X	
	Khoa văn học		○	
	Khoa Tâm lý học		○	
Khoa học đời sống tổng hợp	Khoa nông nghiệp trồng trọt		○	
	Khoa tài nguyên động vật		○	
	Khoa tài nguyên rừng		○	
	Khoa công nghiệp thú y		○	Không thể chuyển tiếp năm 4
	Khoa Thông tin Y tế		X	

Đại học	Khoa tuyển sinh		Sinh viên chuyển tiếp (năm 3)	Ghi chú
Kỹ thuật	Khoa kỹ thuật kiến trúc		○	
	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật Môi trường		○	Không thể chuyển tiếp năm 2,3
	Khoa Cơ khí và kĩ thuật ô tô	Chuyên ngành Cơ khí	○	
		Chuyên ngành Kĩ thuật ô tô tương lai	○	Không thể chuyển tiếp năm 4
	Khoa Công nghệ thực phẩm		○	
	Khoa Dinh dưỡng thực phẩm		○	
	Khoa kiến trúc cảnh quan - Thiết kế sân vườn		○	
	Khoa Kỹ thuật Hệ thống Năng lượng		○	
	Khoa Kỹ thuật an toàn cháy nổ và phòng chống thiên tai		X	
	Khoa Cứu hộ khẩn cấp		X	
Công nghệ thông tin	Khoa kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử	○	
		Kỹ thuật điện	○	
		Kỹ thuật Thông tin và Truyền thông	○	
	Khoa Máy tính và Kỹ thuật Thông tin	Kỹ thuật máy tính	○	
		Chuyên ngành phần mềm máy tính	○	
		Chuyên ngành bảo mật thông tin	○	
	Khoa AI		◯	
Nghệ thuật tạo hình	Khoa thiết kế trang sức		○	
	Khoa Hoạt hình Webtoon	Chuyên ngành Hoạt hình	○	
		Chuyên ngành Webtoon	X	
	Khoa hội tụ thiết kế trực quan	Chuyên ngành thiết kế trực quan	○	
		Chuyên ngành Thiết kế tiếp thị Dịch vụ	○	Không thể chuyển tiếp năm 4
	Khoa thiết kế công nghiệp		○	
	Khoa thiết kế thời trang		○	
	Khoa Phong cách làm đẹp (Beauty style)		X	
	Thiết kế kiến trúc nội thất		○	
	Khoa thiết kế game		X	
Khoa học hồi phục chức năng	Khoa Tư vấn phục hồi chức năng		○	
	Khoa trị liệu Ngôn ngữ		○	
	Khoa Phục hồi Tâm lý		○	
	Khoa Kỹ thuật Phục hồi chức năng		○	
	Khoa nâng cao sức khỏe phục hồi chức năng		○	
	Khoa Vật lý trị liệu		○	
	Khoa Trị liệu nghề nghiệp		○	

2 Đối tượng ứng tuyển

☐ Nhập học mới (năm 1)

Phân loại	Phân loại	Điều kiện học lực
Sinh viên có bố mẹ là người nước ngoài	· **Học sinh là người nước ngoài và bố mẹ cũng phải là người nước ngoài** ☞ Bao gồm những trường hợp bản thân người ứng tuyển và bố mẹ là người nước ngoài, trường hợp có quốc tịch nước ngoài (xác nhận quyền công dân...) sau sinh. ☞ Đối tượng ứng tuyển phải theo học tại các trường phổ thông ngoài nước hoặc phổ thông nước ngoài trong nước và phải hoàn thành đủ chương trình giáo dục phổ thông.	-Đối tượng tốt nghiệp (sắp tốt nghiệp) Trung học phổ thông hoặc được xác nhận có trình độ học vấn tương đương - Được công nhận sự khác biệt chế độ giáo dục giữa các quốc gia tương ứng
Người ngoại quốc đã hoàn thành quá trình giáo dục ở nước ngoài	· **Sinh viên ngoại quốc đã hoàn thành toàn bộ quá trình giáo dục tương ứng với các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông của Hàn Quốc ở nước ngoài.** ☞ Trong quá trình học từ tiểu học đến cấp trung học phổ thông, nếu từng theo học tại trường ở Hàn Quốc sẽ không được ứng tuyển ☞ Với trường hợp học sinh đã hoàn thành toàn bộ quá trình giáo dục ở quốc gia có chế độ giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông dưới 12 năm, vẫn được công nhận	

☐ Chuyển tiếp đại học

Phân loại	Phân loại	Điều kiện học lực
Sinh viên có bố mẹ là người nước ngoài	· **Học sinh là người nước ngoài và bố mẹ cũng phải là người nước ngoài** ☞ Bao gồm những trường hợp bản thân người ứng tuyển và bố mẹ là người nước ngoài, trường hợp có quốc tịch nước ngoài (xác nhận quyền công dân...) sau sinh. ☞ Đối tượng ứng tuyển phải theo học tại các trường phổ thông ngoài nước hoặc phổ thông nước ngoài trong nước và phải hoàn thành đủ chương trình giáo dục phổ thông.	- Chuyển tiếp năm 2 : Đối tượng đã hoàn thành chương trình học 1 năm (2 học kì) hệ cử nhân và hoàn thành một số tín chỉ nhất định tại các trường đại học 4 năm trong hoặc ngoài nước, hoặc đối tượng được xác nhận có trình độ học lực tương đương hoặc đối tượng đã tốt nghiệp (dự bị tốt nghiệp) trường cao đẳng (hệ 2 hoặc 3 năm) trong hoặc ngoài nước. - Chuyển tiếp năm 3 : Đối tượng đã hoàn thành chương trình học 2 năm (4 học kì) hệ cử nhân và hoàn thành một số tín chỉ nhất định tại các trường đại học 4 năm trong hoặc ngoài nước, hoặc đối tượng được xác nhận có trình độ học lực tương đương hoặc đối tượng đã tốt nghiệp (dự bị tốt nghiệp) trường cao đẳng (hệ 2 hoặc 3 năm) trong hoặc ngoài nước. - Chuyển tiếp năm 4 : **Đối tượng đã tốt nghiệp trường cao đẳng hệ 3 năm** [Chỉ những ứng viên từ một khoa tương tự (giống nhau) mới có thể nộp đơn, nhưng trong trường hợp khoa ngoại ngữ, những người có quốc tịch liên quan và có kỹ năng ngôn ngữ có thể nộp đơn bất kể chuyên ngành của học tại trường ĐH
Người ngoại quốc đã hoàn thành quá trình giáo dục ở nước ngoài	· **Sinh viên ngoại quốc đã hoàn thành toàn bộ quá trình giáo dục tương ứng với các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông của Hàn Quốc ở nước ngoài.** ☞ Trong quá trình học từ tiểu học đến cấp trung học phổ thông, nếu từng theo học tại trường ở Hàn Quốc sẽ không được ứng tuyển ☞ Với trường hợp học sinh đã hoàn thành toàn bộ quá trình giáo dục ở quốc gia có chế độ giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông dưới 12 năm, vẫn được công nhận	

□ Năng lực tiếng Hàn

Đối tượng: sinh viên nhập học mới hoặc nhập học chuyển tiếp buộc phải đáp ứng được một trong số các điều kiện về việc công nhận năng lực tiếng Hàn sau

Phân loại	Nơi cấp	Tiêu chuẩn công nhận	Tiêu chuẩn công nhận	
TOPIK[1)]	Viện giáo dục quốc tế quốc gia	Topik 3 trở lên (Topik 2 đối với Khối Năng khiếu, nghệ thuật,thể thao) **※Đối tượng chuyển tiếp từ năm 4 phải có topik 4 trở lên**	Bằng vẫn còn thời hạn trong ngày nộp hồ sơ	
DU TOPIK (Thi năng lực tiếng Hàn tại trường đại học Daegu)	Trường đại học Daegu[2)]	Đỗ kì thi	Bằng vẫn còn thời hạn trong ngày nộp hồ sơ **(2 năm kể từ ngày thi)**	
Trung tâm đào tạo tiếng Hàn trường đại học Daegu	-	Hoàn thành Level 3 trở lên	Tuyển sinh đợt 1,2	Được công nhận khi hoàn thành khóa học chính quy đợt 1 năm học 2024
			Tuyển sinh đợt 3	Được công nhận khi hoàn thành khóa học chính quy đợt 2 năm học 2024
Chứng chỉ tiếng Hàn Sejong	Học viện Sejong	Hoàn thành khóa học trung cấp trở lên	Bằng vẫn còn thời hạn trong ngày nộp hồ sơ	
Chương trình hòa nhập xã hội	Bộ Tư pháp	Hoàn thành cấp độ 3 trở lên (đạt 61 điểm trở lên trong kỳ thi đánh giá)	Bằng vẫn còn thời hạn trong ngày nộp hồ sơ	

1) Trường hợp nhập học theo ký kết giữa 2 bên cơ quan (trường đại học), có thể quyết định lại theo tiêu chuẩn khác, không nhất thiết theo tiêu chuẩn công nhận của kì thi năng lực tiếng Hàn.

2) Trường hợp đang lưu trú tại nước ngoài khó có thể dự thi kì thi năng lực tiếng hàn tại trường Daegu, có thể ứng thi tại các trường (cơ quan) có quan hệ hợp tác nhận được sự ủy thác của trường đại học Daegu

3) Du học sinh người nước ngoài nhập học tại trường phải đạt chứng chỉ TOPIK từ cấp 4 trở lên (khối năng khiếu nghệ thuật thể thao: cấp 3) thì mới đủ điều kiện tốt nghiệp

3 Lịch tuyển sinh

Phân loại	Lịch trình	Ghi chú
Đăng ký online và nộp hồ sơ	**2024.8.1 (thứ năm) ~ 8.8 (thứ năm) trước 17:00**	**Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (Chỉ nhận hồ sơ trong thời gian quy định)**
Công bố trúng tuyển	2024.8.23 (thứ sáu)	Xem trên trang web nộp hồ sơ
Nhận giấy báo trúng tuyển và đăng ký nhập học	2024.8.23 (thứ sáu) ~ 8.29 (thứ năm)	Tải trên web trường hoặc nhận tại phòng quan hệ quốc tế (Nộp học phí theo hóa đơn của từng cá nhân)
Orientation	2024.8.30 (thứ sáu) 14:00	Thông báo lịch cụ thể sau
Khai giảng	2024.9.2 (thứ hai)	

4 Hồ sơ ứng tuyển

	Hồ sơ ứng tuyển		Ghi chú
Sinh viên năm 1	①	Đơn xin nhập học (입학원서) có dán ảnh	**Trang web nộp hồ sơ**
	②	Giấy giới thiệu bản thân và kế hoạch học tập (Động lực + lí do chọn chuyên ngành)	
	③	Giấy xác nhận học lực	
	④	Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn - Bằng chứng chỉ năng lực tiếng hàn TOPIK - Chứng nhận hoàn thành lớp tiếng Hàn tại trường từ cấp 3 trở lên - Giấy đăng ký dự thi thi năng lực tiếng Hàn trường đại học Daegu (DU TOPIK 응시원서) hoặc giấy báo đỗ DU TOPIK - Chứng chỉ tiếng Hàn Sejong (세종학당 한국어 수료증명서) - Xác nhận đã hoàn thành khóa đào tạo của chương trình hòa nhập xã hội và bảng điểm (사회통합프로그램 교육 확인서)	**Chọn 1 loại**
	⑤	1 bản photo hộ chiếu	
	⑥	1 bản photo thẻ ngoại kiều	Đối tượng đang cư trú tại Hàn Quốc
	⑦	1 bản photo chứng minh thư (hoặc hộ chiếu) của bố mẹ	
	⑧	1 bản giấy chứng nhận quan hệ gia đình (họ hàng) hoặc giấy khai sinh	Sinh viên Trung Quốc có thể nộp Hộ khẩu
	⑨	1 bản giấy chứng nhận số dư sổ tài khoản trên 16,000,000w của bản thân hoặc bố mẹ ※Đối với những học sinh học tiếng trực tiếp tại trường thì chỉ cần chứng minh tài chính trên 8,000,000w ※Nộp bản số dư tài chính của ngân hàng Hàn Quốc (du học sinh đang sinh sống tại Hàn)	Hồ sơ phải còn hạn trong vòng 3 tháng kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.
	⑩	Bằng tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) Trung học Phổ thông 주1)	Apostille hoặc Xác nhận của Đại/Lãnh sự quán
	⑪	Học bạ cấp 3	
Sinh viên chuyển tiếp		Những giấy tờ cần nộp cho tân sinh viên ①~⑩ ※ Tuy nhiên, sinh viên đã tốt nghiệp đại học (cử nhân) không cần nộp mục⑩	
	①	Giấy chứng nhận sinh viên Đại học và giấy Tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) **주2)**	Apostille hoặc Xác nhận của Đại/Lãnh sự quán
	②	Bảng điểm Đại học	

※ Những lưu ý liên quan đến hồ sơ ứng tuyển

- Tất cả các hồ sơ có thể nộp bản sao (cần nộp bản gốc hoặc bản đối chiếu bản gốc)
- Hồ sơ ứng tuyển viết bằng tiếng Hàn. Ngoại trừ hồ sơ được làm bằng tiếng Anh hoặc tiếng Hàn thì những hồ sơ làm bằng tiếng khác buộc phải dịch tiếng Hàn công chứng.
- **주1), 주2)** Học sinh quốc tịch Trung quốc phải nộp bản gốc giấy chứng nhận tốt nghiệp được cấp trên trang web cấp giấy chứng nhận công nhận học tập Bộ giáo dục (http://www.cdgdc.edu.cn hoặc http://www.chsi.com.cn)

5 Phương pháp xét tuyển

□ Xét tuyển

Đơn vị xét tuyển	Phương pháp chọn	Tỷ lệ	Điểm
Đơn vị xét tuyển trước	Xét hồ sơ	100	100

- Xét hồ sơ: Ban xét tuyển hồ sơ sẽ đánh giá tư cách ứng tuyển, hồ sơ dự tuyển và khả năng học lực 1 cách toàn diện và chọn những thí sinh đạt từ 60 điểm (chuẩn 100 điểm) trở lên

□ **Phí xét tuyển: 100,000Won**

- Phí thi năng lực tiếng Hàn DU: 50,000Won (không bao gồm phí xét tuyển)

1) Thời gian nộp: **2024.8.8 (thứ năm) tới 17:00**

2) **Trường hợp không nộp phí xét tuyển vào tài khoản bên dưới theo đúng kỳ hạn thì hồ sơ ứng tuyển sẽ tự động bị hủy**

3) Sau khi gửi tiền vào tài khoản bên dưới, vui lòng nộp phiếu gửi tiền (hoặc xác nhận) cùng với đơn đăng ký nhập học

Ngân hàng	대구은행
Số tài khoản	207-04-000059-2
Người thụ hưởng	Trường đại học Daegu
Lưu ý	**Phải chuyển tiền bằng tên chữ Hàn hoặc tên tiếng Anh của thí sinh**

4) Hướng dẫn hoàn trả phí xét tuyển

a) Tiêu chuẩn hoàn tiền :

- Hoàn trả toàn bộ phí xét tuyển cho trường hợp nộp hồ sơ trong thời gian nhận hồ sơ xét tuyển [đơn xin hủy ứng tuyển và xin hoàn tiền phí ứng tuyển].
- Trường hợp không ứng tuyển được do biến cố thiên tai, tai nạn,.. có thể nhận hoàn tiền xét tuyển sau khi trường kiểm tra [đơn xin hủy ứng tuyển và xin hoàn tiền phí ứng tuyển] và [giấy tờ chứng nhận liên quan].
- Hoàn trả toàn bộ tiền phí xét tuyển nguyên do hủy từ phía trường

b) Phương pháp hoàn trả: Có thể chuyển tiền vào tài khoản thí sinh hoặc thí sinh có thể trực tiếp đến trường nhận.

c) Nội dung khác

- Trường hợp phát sinh lý do hoàn tiền xét tuyển, bản thân thí sinh phải nhanh chóng đăng ký xin hoàn tiền và cung cấp thông tin tài khoản của bản thân.
- Khi hoàn tiền phí xét tuyển, các khoản phí liên quan đến chuyển khoản sẽ được khấu trừ, nếu phí ngân hàng vượt quá khoản tiền hoàn thì sẽ không được hoàn tiền.
- Nội dung hoàn tiền xét tuyển mà không được nêu rõ trong thông báo xét tuyển thì sẽ dựa vào quy định của phòng quan hệ quốc tế và 'luật giáo dục phổ thông'.

6 Chế độ học bổng

☐ Học bổng nhập học cho sinh viên mới / chuyển tiếp

Phân loại	Tên học bổng	Đối tượng	Nội dung học bổng	Tiêu chuẩn
Nhập học mới	DU International Leaders	TOPIK cấp 6	Miễn 100% tiền học phí 8 học kì	* Không áp dụng đối với kiều bào Hàn Quốc * Không áp dụng với người tốt nghiệp trường cấp 3 ở Hàn Quốc. * Mỗi học kỳ học từ 12 tín chỉ trở lên và điểm trung bình học kỳ duy trì từ 3.5 trở lên
		TOPIK cấp 5	Miễn 100% tiền học phí 4 học kì đầu	
		TOPIK cấp 4	Miễn 100% tiền học phí 2 học kì đầu	* Miễn tiền học phí học kỳ thứ 2 với điều kiện kỳ học trước đó học 12 tín chỉ trở lên và điểm trung bình học kỳ từ 3.5 trở lên
		TOPIK cấp 3	Miễn 100% tiền học phí 1 học kì đầu	
	Học bổng nhập học	LV 3 ~ 6 tại trung tâm	Miễn 50% tiền học phí 1 học kì đầu	* Học sinh hoàn thành khóa học chính quy tại trung tâm giáo dục tiếng Hàn của trường
		Học sinh đỗ DU TOPIK	Miễn 40% tiền học phí 1 học kì đầu	
		TOPIK cấp 2 (Khoa Giáo dục Thể chất và Nghệ thuật)		Giới hạn cho tân sinh viên thuộc khoa Nghệ thuật và Giáo dục thể chất.
Học sinh chuyển tiếp năm 2, 3	DU International Leaders	TOPIK cấp 6	Miễn 100% tiền học phí 2 học kì đầu	* Không áp dụng đối với kiều bào Hàn Quốc * Không áp dụng với người tốt nghiệp trường cấp 3 ở Hàn Quốc. * Mỗi học kỳ học từ 12 tín chỉ trở lên và điểm trung bình học kỳ duy trì từ 3.5 trở lên
		TOPIK cấp 4~5	Miễn 100% tiền học phí 1 học kì đầu	* Không áp dụng đối với kiều bào Hàn Quốc * Không áp dụng với người tốt nghiệp trường cấp 3 ở Hàn Quốc.
	Học bổng nhập học	TOPIK cấp 3	Miễn 50% tiền học phí 1 học kì đầu	
		LV 3 ~ 6 tại trung tâm	Miễn 40% tiền học phí 1 học kì đầu	* Học sinh hoàn thành khóa học chính quy tại trung tâm giáo dục tiếng Hàn của trường
		Học sinh đỗ DU TOPIK	Miễn 30% tiền học phí 1 học kì đầu	
		TOPIK cấp 2 (Khoa Giáo dục Thể chất và Nghệ thuật)		Giới hạn cho tân sinh viên thuộc khoa Nghệ thuật và Giáo dục thể chất.

※ Hoàn thành chứng chỉ Sejong Trung cấp 1, hoàn thành Chương trình Hội nhập Xã hội Cấp 3 của Bộ Tư pháp (đạt 61 điểm trở lên) sẽ được công nhận là TOPIK 3.

※ Hoàn thành chứng chỉ Sejong Trung cấp 2, hoàn thành Chương trình Hội nhập Xã hội Cấp 4 của Bộ Tư pháp (đạt 81 điểm trở lên) sẽ được công nhận là TOPIK 4.

※ Trường hợp nhận học bổng từ cơ quan khác trong-ngoài nước thì cần liên hệ để tư vấn riêng.

※ Học bổng có thể bị thay đổi.

□ Học bổng cho sinh viên đang theo học

Đối tượng	Phân loại	Tiêu chuẩn (điểm học bình quân)	Tiền học bổng	Ghi chú
Du học sinh người nước ngoài(đối tượng học từ 12 tín chỉ trở lên học kỳ trước)	Điểm ưu tú	Từ 4.2 trở lên	100% học phí	* Áp dụng từ học kỳ thứ 2 * Trừ học sinh chuyển tiếp năm 4
		4.0 ~ dưới 4.2	70% học phí	
		3.0 ~ dưới 4.0	50% học phí	
	Đề cử	2.5 ~ dưới 3.0	30% học phí	

※ Chế độ học bổng dành cho sinh viên đang theo học có thể được thay đổi.

□ Học bổng cho sinh viên TOPIK

Băng Topik đạt được	Năm học	Tiền thưởng	Ghi chú
Topik 4 trở lên	1	400,000원	* có bằng Topik (sau khi nhập học) * Trừ đối tượng đạt cấp 4 trở lên lúc nhập học và sinh viên năm 4
	2	200,000원	
	3	100,000원	

※ Học bổng TOPIK dành cho sinh viên đang theo học có thể được thay đổi về sau

7 Ký túc xá

□ Nghĩa vụ cư trú ở ký túc xá

Nghĩa vụ cư trú ở ký túc xá (1 năm đầu) là chương trình hỗ trợ du học sinh được thực hiện nhằm giúp sinh viên ổn định sinh hoạt đại học 1 cách hiệu quả

□ Chi phí ký túc xá (Đơn vị: Won)

Phân loại		Học kỳ (4 tháng)	Kỳ nghỉ hè/nghỉ đông (2 tháng)	Ghi chú
Tòa quốc tế [국제관] (Ký túc xá dành cho du học sinh)	Phòng 2 người	875,000	434,000	Phòng tắm riêng (nhà vệ sinh), điều hòa, thang máy
Tòa [비호생활관]	Phòng 2 người loại B	667,000	337,000	Phòng tắm riêng (nhà vệ sinh), điều hòa

※ Phòng ký túc xá (국제관, 비호생활관) được phân chia sẵn, phí ký tú có thể thay đổi mỗi
kỳ trong thời gian kỳ nghỉ. Phí ký túc xá có thể thay đổi theo từng năm.

※ Tiền phí trên là tiền phí ký túc xá chưa bao gồm tiền ăn, tiền phí quản lý khác.

8 Lưu ý cho đối tượng ứng tuyển

☐ Trường hợp đã đỗ kì tuyển sinh chuyển tiếp – nhập mới đại học dành cho du học sinh người nước ngoài học kì 2 (nhập học kì tháng 9) năm 2024 đợt 1, 2 thì không thể đăng kí đợt 3

☐ Cách thức đăng ký

1) Đăng ký online: đăng ký tại trang web https://intl.daegu.ac.kr

2) Nộp hồ sơ: sau khi đăng ký online thì nộp hồ sơ bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại văn phòng Quốc tế (대구대학교 국제처)

☐ Sinh viên đang theo học tại trường Daegu không được tham gia đợt tuyển sinh dành cho học sinh ngoại quốc.

☐ Phải ghi rõ, đầy đủ tất cả nội dung trên hồ sơ và mẫu đơn đính kèm vì không thể sửa đổi sau khi đã nộp hồ sơ ứng tuyển. Người dự tuyển phải tự chịu trách nhiệm bất lợi do ghi sai hoặc thiếu nội dung trên hồ sơ, đơn xin ứng tuyển đã nộp. Nội dung ghi trên hồ sơ đã nộp không được thay đổi hoặc xóa bỏ.

☐ Trường hợp trúng tuyển do làm giả hồ sơ sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

☐ Trường hợp ứng tuyển 2 trường cùng lúc sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

☐ Trường hợp ghi sai hoặc ghi không rõ địa chỉ liên lạc (số điện thoại và địa chỉ) mà không nhận được thông báo khi trúng tuyển thì trách nhiệm thuộc về bản thân thí sinh.

☐ Trường hợp trúng tuyển và đã đăng ký nhập học nhưng không nhập cảnh hoặc bị cơ quan cấp giấy thông hành từ chối cấp thì sẽ bị hủy trúng tuyển nhập học

☐ Trường hợp nộp giấy chứng nhận Tốt nghiệp Trung học phổ thông (dự bị) khi nộp hồ sơ ứng tuyển, nếu không trình bằng tốt nghiệp cho tới trước thời gian nhập học thì kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy.

☐ Không hoàn trả hồ sơ đã nộp và tiền phí xét tuyển (bản gốc Học bạ + Bằng tốt nghiệp/ Giấy chứng nhận sinh viên + Bảng điểm đại học).

☐ Đối tượng nhận học bổng chính phủ hoặc cơ quan khác phải nộp giấy chứng nhận được chi trả học phí (giấy chứng nhận học bổng) trong thời gian theo học từ nơi cấp học bổng.

☐ Sinh viên ứng tuyển phải tìm hiểu về việc đăng kí visa, hoặc đổi visa, những điều kiện về chuyển trường

☐ Những nội dung không được nêu trong thông báo tuyển sinh sẽ xét theo quy định của phòng quan hệ quốc tế.

9 Lưu ý đối tượng trúng tuyển

☐ Du học sinh người nước ngoài nhập học tại trường phải tham gia bảo hiểm do trường chỉ định.

☐ Sau khi nộp tiền học thì phải đăng ký xin cấp hoặc đổi visa D-2. Nộp đơn đăng ký (mẫu của trường) khi xin cấp hoặc đổi visa. Trường hợp không xin cấp hoặc đổi visa trong thời gian quy định thì sinh viên sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn những bất lợi phát sinh.

☐ **Những tài liệu như giấy chứng nhận tốt nghiệp v.v cần cho việc đổi visa D2 thì phải chuẩn bị riêng.**

10 Địa chỉ tư vấn

☐ Địa chỉ: 경북 경산시 진량읍 대구대로 201 대구대학교 경산캠퍼스

국제처 국제팀(조형예술대학 5호관 2층 1202호)

☐ Điện thoại liên lạc

Tel. +82-53-850-5696, 5683~5687

Fax. +82-53-850-5689

Email: oia@daegu.ac.kr

11 Hướng dẫn đăng ký trực tuyến

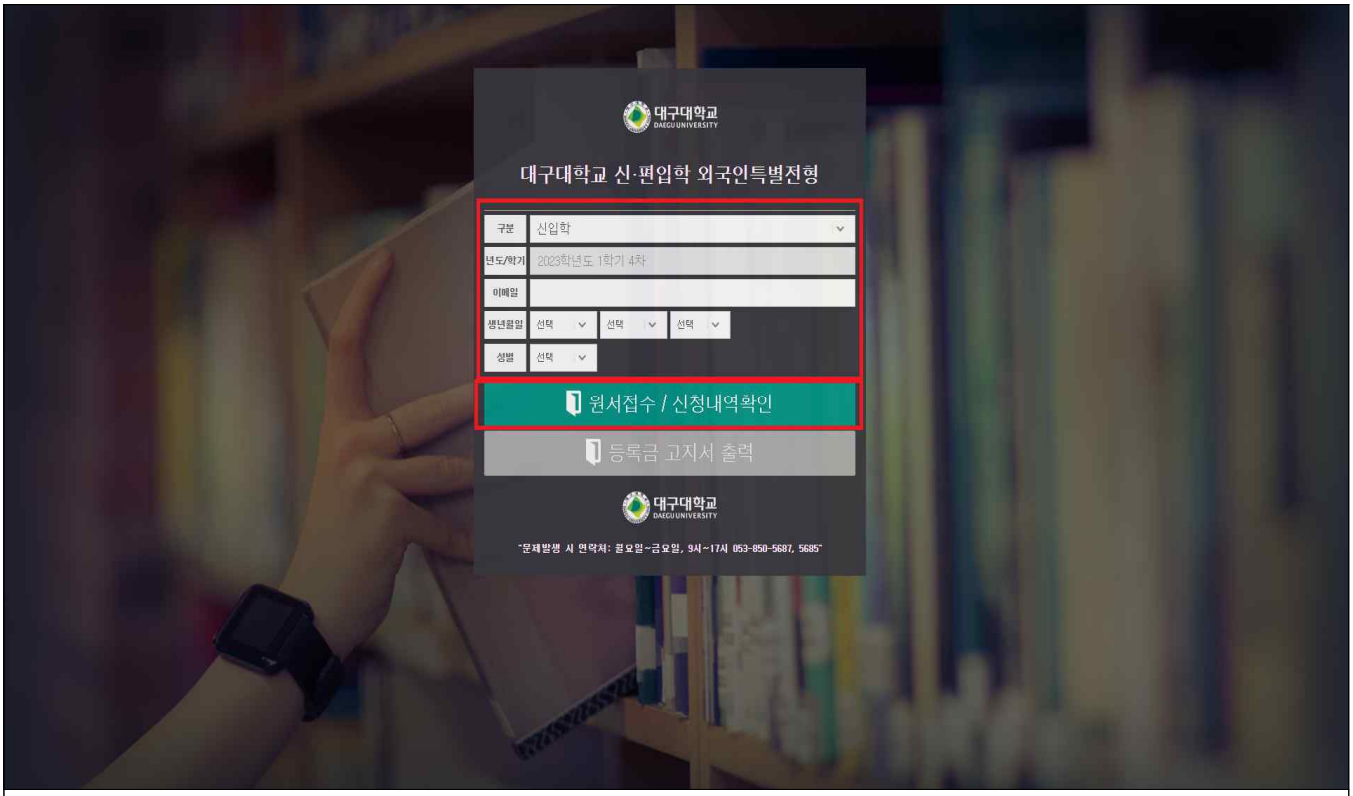

☐ Nhập thông tin cá nhân tại trang web (https://intl.daegu.ac.kr)

☐ Nhấp vào 'Gửi đơn đăng ký/Kiểm tra chi tiết đơn đăng ký' (원서접수 / 신청내역확')

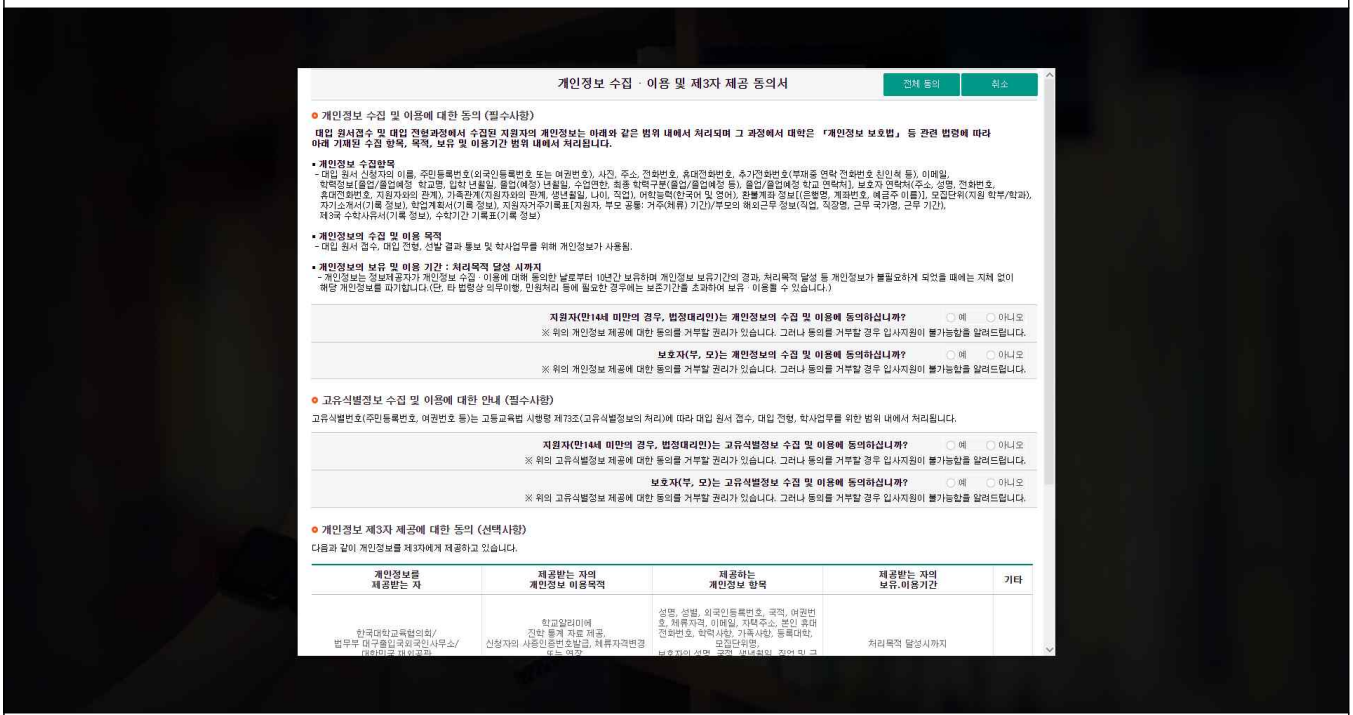

☐ Nhấn đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân và cung cấp thông tin cho bên thứ ba

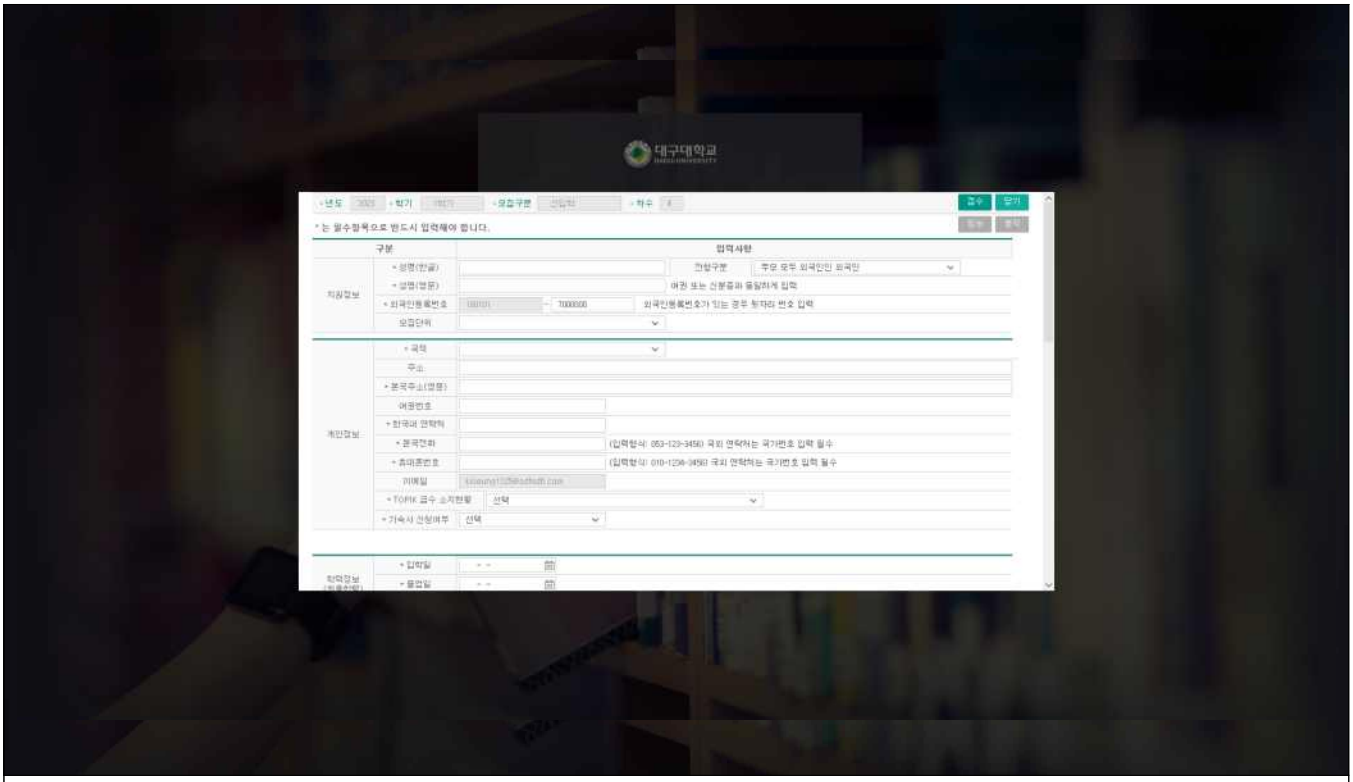

☐ Nhập thông tin

* 는 필수항목으로 반드시 입력해야 합니다.

구분		입력사항		
지원정보	* 성명(한글)		전형구분	부모 모두 외국인인 외국인
	* 성명(영문)		여권 또는 신분증과 동일하게 입력	
	* 외국인등록번호	- 7000000	외국인등록번호가 있는 경우 뒷자리 번호 입력	
	모집단위			
개인정보	* 국적			
	주소			
	* 본국주소(영문)			
	여권번호			
	* 한국내 연락처			
	* 본국전화		(입력형식: 053-123-3456) 국외 연락처는 국가번호 입력 필수	
	* 휴대폰번호		(입력형식: 010-1234-3456) 국외 연락처는 국가번호 입력 필수	
	이메일			
	* TOPIK 급수 소지현황	없음		
	* 기숙사 신청여부	선택		

대구대학교 한국어능력시험
응시 예정자는 '없음'을 클릭

학력정보 (최종학력)	* 입학일	- -
	* 졸업일	- -
	* 출신고교	

* 졸업증명서와 다른 경우 불이익이 있을 수 있습니다.

학력조회	* 주소 (School Address [ZipCode])	
	* 이메일 (School E-mail Address)	
	* 전화번호 (School Phone Number)	
	팩스번호 (School Fax Number)	

	No	지원자와의 관계	성명		생년월일	국적	직업
			자국명	영문명			
가족사항	* 1				0000-01-01 월		
	* 2				0000-01-01 월		
	3				0000-01-01 월		
	4				0000-01-01 월		
	5				0000-01-01 월		

보호자 연락처	* 성명	
	* 지원자와의 관계	
	* 주소(영문)	
	* 휴대전화	

한국내 연락처	성명	
	지원자와의 관계	
	주소	
	휴대전화	

* 대구대학교 및 학과 지원동기에 대해 한국어로 기술합니다. 0 / 1,300 Bytes

* 지원동기 및 전공선택특적	



□ Sau khi hoàn thành việc nhập thông tin cần thiết, nhấp vào nút 'Gửi' (접수)

※ Có thể sửa đổi thông tin cần thiết sau khi nộp

□ Sau khi kiểm tra và chỉnh sửa, nhấp vào nút 'Điều chỉnh' (수정) để lưu lại

※ Lưu ý rằng sau khi sửa đổi thông tin, nếu không nhấn vào nút 'Gửi' (발송) thì thông tin sửa đổi sẽ ko được lưu và xác nhận



☐ Tất cả các tài liệu có thể được in sau khi nhấn 'hoàn tất'

※ Vui lòng xem xét cẩn thận vì không thể sửa đổi sau khi bấm 'hoàn tất'



☐ Nhấp vào nút 'In' (출력) để in đơn

외국인 특별전형 입학원서

사진
(3×4cm)

입학년도		입학학기		모집차수	

1. 지원정보

전형구분		입학구분	
모집단위	대학		
	학과(부)		
	학과,전공		

□ Dán ảnh vào đơn đã in

□ Ký tên hoặc đóng dấu

□ Tiếp nhận và trả lời thắc mắc, gọi vào số ☎+82-53-850-5696

[별첨]

[아포스티유(Apostille) 확인서 안내]

1. 아포스티유 협약: 협약가입국들 사이에서 공문서의 상호간 인증을 보다 용이하게 하기 위해, 외국 공관의 영사확인 등 복잡한 인증절차를 폐지하는 대신 공문서 발행 국가가 이를 확인하는 내용을 골자로 하는 다자간 협약
2. 아포스티유 확인대상 문서: 외국 정부기관이 발행한 문서와 공증인이 공증한 문서
   가. 외국 정부기관 발행 문서: 가족관계증명서, 국공립학교 발행 성적증명서 등
   나. 공증문서: 사립학교 발행 증명서, 진단서, 회사 및 은행 발행 문서 등
   ※ 아포스티유 협약 가입국가에 한함 (협약 미가입국은 주재국의 한국영사 또는 주한 자국공관 영사가 발급한 입증서류 제출)
3. 발급방법 : 외국학교 등에서 발급받은 각종 증명서에 대하여 자국 학교 소재국에서 지정한 정부기관에 아포스티유 확인서를 신청하여 발급받아야 함 (www.hcch.net)
4. 아포스티유 가입국 현황(https://www.0404.go.kr/consulate/consul_apo.jsp 참조)

지역	가입국
아시아, 대양주	대한민국, 호주, 중국 일부(마카오, 홍콩), 일본, 뉴질랜드, 브루나이, 몽골, 쿡제도, 피지, 인도, 마샬군도, 모리셔스, 바누아투, 사모아, 통가, 니우에, 타지키스탄, 팔라우, 필리핀
유럽	알바니아, 오스트리아, 벨라루스, 벨기에, 보스니아 - 헤르체코비나, 불가리아, 크로아티아, 키프로스, 체코, 덴마크, 에스토니아, 핀란드, 프랑스, 조지아, 독일, 몰타,그리스, 헝가리, 아이슬란드, 아일랜드, 이탈리아, 라트비아, 리투아니아, 룩셈부르크,모나코, 몬테네그로, 네덜란드, 노르웨이, 폴란드, 포르투갈, 러시아, 루마니아, 세르비아, 슬로바키아, 슬로베니아, 스페인, 스웨덴, 스위스, 터키, 키르키즈스탄, 마케도니아, 우크라이나, 영국, 안도라, 아르메니아, 아제르바이잔, 몰도바, 리히텐슈타인, 산마리노, 카자흐스탄, 우즈베키스탄, 코소보
북미	미국
중남미	아르헨티나, 멕시코, 파나마, 수리남, 베네수엘라, 앤티가바부다, 바하마, 바베이도스, 벨리즈, 콜롬비아, 도미니카연방, 도미니카공화국, 에콰도르, 엘살바도르, 그라나다, 온두라스, 세인트빈센트, 페루, 트리니다드토바고, 세인트루시아, 세인트키츠네비스, 코스타리카, 우루과이, 니카라과, 파라과이, 브라질, 칠레, 과테말라, 볼리비아, 가이아나
아프리카	남아프리카공화국, 보츠와나, 브룬디, 레소토, 라이베리아, 나미비아, 상투메프린시페, 스와질랜드, 말라위, 카보베르데, 세이셸
중동	오만, 이스라엘, 바레인, 모로코, 튀니지